|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ XÂY DỰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 72/BC-BXD | *Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2018* |

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Dự án Luật Kiến trúc**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

1.1. Các bất cập từ thực tiễn phát triển kiến trúc

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đang trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa,hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển kinh tế xã hội, tiến trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, đời sống của nhân dân ngày càng được nâng cao làm gia tăng nhanh chóng của các dự án đầu tư nhà ở, công cộng, dịch vụ, công nghiệp. Kiến trúc Việt Nam đã có những bước phát triển quan trọng, đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật... Tuy nhiên, các hoạt động kiến trúc bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, nhất là trong việc tổ chức không gian đô thị và nông thôn, thẩm mỹ của các công trình công cộng, dân dụng, công nghiệp và nhà ở.

Tính tổng thể là nền tảng cho diện mạo đô thị, tuy nhiên kiến trúc đô thị, nông thôn có biểu hiện phát triển tự phát, thiếu sự gắn kết trong tổng thể, thiếu tính đồng bộ, bố trí không gian bị chia cắt, thiếu tính thống nhất. Kiến trúc công trình lộn xộn, thiếu thẩm mỹ; tầng cao công trình, mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất chưa chưa hợp lý, thiếu sự kết hợp giữa không gian mở, không gian công cộng, công viên, cây xanh, mặt nước. Tổng thể kiến trúc và nhiều công trình kiến trúc còn chưa có bản sắc nhất là ở khu vực nông thôn. Các di sản kiến trúc, giá trị kiến trúc truyền thống không được phát huy, kế thừa, phát triển phù hợp.

Dịch vụ tư vấn kiến trúc còn chưa đa dạng, còn thiếu tác phẩm kiến trúc đặc sắc có giá trị lớn. Chất lượng đội ngũ kiến trúc sư, công tác đào tạo, công tác lý luận phê bình, phản biện còn nhiều hạn chế. Công tác quản lý kiến trúc chưa đáp ứng yêu cầu về quản lý nhà nước và đặc thù của ngành kiến trúc.

1.2. Các bất cập từ hệ thống pháp luật

- Hệ thống các quy định pháp luật liên quan đến kiến trúc ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, nằm ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau (như Luật xây dựng, Luật quy hoạch đô thị, Luật nhà ở và một số Nghị định, Thông tư...) thiếu tính hệ thống, đồng bộ. Các quy định về quản lý kiến trúc, hành nghề kiến trúc chưa đầy đủ, chưa rõ ràng; một số quy định về kiến trúc trong một số văn bản quy phạm pháp luật chung về xây dựng nhưng còn nặng nề về mặt kỹ thuật, chưa thể hiện rõ tính đặc trưng, đặc thù cao của kiến trúc.

- Việc thực thi pháp Luật liên quan đến Kiến trúc có nơi, có lúc chưa nghiêm, kịp thời, còn có vi phạm, xử lý vi phạm thiếu kiên quyết, triệt để.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

- Tạo công cụ pháp lý có hiệu lực cao để điều chỉnh quá trình phát triển, các hoạt động kiến trúcmột cách toàn diện, đồng bộ,thống nhất.Đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước,tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước.Phát huy năng lực sáng tạo, tự do sáng tạo của kiến trúc sư.Phát huy vai trò của tổ chức xã hội nghề nghiệp của kiến trúc sư, các tổ chức, cá nhân và xã hội trong hoạt động kiến trúc. Đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Nhân dân và xã hội.

- Thể chế hóa đúng đắn định hướng lãnh đạo của Đảng, chủ trương của Nhà nước, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Xác định chính sách phù hợp với phạm vi điều chỉnh. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, hiệu lực của hệ thống pháp luật; kế thừa, bổ sung những quy định còn phù hợp; loại bỏ, điều chỉnh các quy định không còn phù hợp; và đảm bảo tương thích với các quy định, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

- Có tính khả thi trong tổ chức thực hiện Luật, xử lý tốt vấn đề chuyển tiếp.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

A. CHÍNH SÁCH 1: QUẢN LÝ KIẾN TRÚC

**1. Hạn chế, bất cập chủ yếu**

Công tác quản lý kiến trúc thiếu tính đồng bộ,thống nhất và xuyên suốt trong chính sách quản lý.Nội dung quản lý chưa đầy đủ, chưa đủ rõ, còn nặng về khu vực đô thị, chưa chú trọng khu vực nông thôn. Công cụ quản lý chưa đủ, hiệu lực hạn chế. Chưa làm rõ được trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong công tác quản lý.

**2. Nguyên nhân**

Gồm một số nguyên nhân chính sau:

2.1. Về xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật liên quan, bất cập hạn chế tổng quát (được trình bày ở tiết 1.1, điểm 1, Mục I ở trên), trong đó có một số hạn chế đáng chú ý là:

-Thiết kế ý tưởng, thiết kế kiến trúc và một số hoạt động kiến trúc khác là yếu tố sáng tạo, cốt lõi nhất trong việc xác định tổng thể kiến trúc của khu vực và vẻ đẹp kiến trúc của từng công trình nhưng lại được lồng ghép và quy định rất mờ nhạt trong nội dung quản lý đầu tư xây dựng chung.

- Các quy định về quản lý không gian, cảnh quan chưa đầy đủ và thiếu nội dung quản lý nhất là về cảnh quan chung, mặt nước, cây xanh, không gian công cộng...

- Các quy định về quản lý kiến trúc ở đô thị được lồng ghép với quy định về quản lý quy hoạch, nhưng còn nặng về quản lý quy hoạch, thiếu nhiều nội dung cụ thể, chi tiết về quản lý kiến trúc, không có quy định quản lý kiến trúc ở nông thôn.

2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý kiến trúc chưa được quan tâm, bố trí thích đáng trong các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng.

2.3.Vai trò của tổ chức xã hội nghề nghiệp của kiến trúc sư, công tác phản biện xã hội về kiến trúc chưa được phát huy đầy đủ.

2.4. Việc thi tuyển, tuyển chọn còn chưa huy động tài năng, sáng tạo của các kiến trúc sư; hạn chế được tiêu cực, tạo môi trường hành nghề trong sạch, bình đẳng và phù hợp với thông lệ quốc tế;

2.5. Hội đồng kiến trúc Quốc gia đã được thành lập ở giai đoạn năm 1993, tuy nhiên do chưa thực sự phát huy được vai trò, nên đã không còn thực hiện mô hình này. Hội đồng kiến trúc quy hoạch ở địa phương còn chưa phát huy được vai trò cơ quan tư vấn, phản biện hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước trung ương, chính quyền địa phương quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến lĩnh vực kiến trúc.

**3. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Hoàn thiện thể chế, thống nhất các quy định liên quan về quản lý kiến trúc trong các văn bản pháp luật liên quan vào Luật kiến trúc, đồng thời bổ sung các nội dung mới, bảo đảm tính quy phạm pháp luật; đủ sức điều chỉnh công tác quản lý về kiến trúc.

**4. Đề xuất giải pháp**

Theo mục nêu trên, về mặt thể chế đề xuất các giải pháp cụ thể sau:

4.1.Giải pháp 1:

Giữ nguyên chính sách quy định trong Luật Xây dựng, Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;không phải xây dựng Luật hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến kiến trúc. Giải pháp này không giải quyết được các vấn đề bất cập hiện nay như đã nêu và chưa đáp ứng mục tiêu quản lý phát triển kiến trúc.

4.2. Giải pháp 2:

Sửa đổi, bổ sung nội dung quản lý kiến trúc trong Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và các Nghị định, Thông tư hiện hành có liên quan: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2010/NĐ-CP; Sửa đổi Điều 81 Luật Xây dựng năm 2014 và Nghị định, Thông tư quy định chi tiết về Thi tuyển.

Giải pháp này không xây dựng thành Luật mới, có thể xử lý một phần các bất cập. Tuy nhiên, việc sửa đổi, bổ sung phải thực hiện ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, thiếu tính hệ thống, cần nhiều thời gian.

4.3.Giải pháp 3:

Xây dựng Luật kiến trúc, kế thừa, điều chỉnh, bổ sung các quy định về quản lý kiến trúc thành một chương trong Luật kiến trúc, trong đó làm rõ quy định về quy chế quản lý kiến trúc ở đô thị; quy chế quản lý kiến trúc ở nông thôn; quy định về thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;Hội đồng kiến trúc quốc gia. Đồng thời bố trí một chương về trách nhiệm của các cơ quan quản lý.

Giải pháp 3 giải quyết được các vấn đề bất cập như đã nêu, đáp ứng được yêu cầu quản lý thống nhất, đồng bộ trong một Luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về kiến trúc.

**5. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

5.1. Tác động về kinh tế

a) Giải pháp 1: Không phát sinh chi phí, tuy nhiên, không giải quyết được các vấn đề bất cập trên thực tiễn về quản lý kiến trúc.

b) Giải pháp 2: Việc sửa đổi, bổ sung phải thực hiện ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, thiếu tính hệ thống, cần thời gian điều chỉnh dẫn đến phát sinh chi phí lớn không kiểm soát được, không giải quyết triệt để các bất cập trên.

c) Giải pháp 3:

- Không có tác động tiêu cực đến sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, phát triển kinh tế xã hội.

- Tác động tốt đến môi trường đầu tư, kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Tạo ra bộ mặt đô thị hiện đại, có môi trường sống tốt, có bản sắc nhằm nâng cao giá trị các di sản, điểm du lịch thúc đẩy phát triển kinh tế.

5.2. Tác động về xã hội

a) Giải pháp 1: Tác động tiêu cực đến xã hội do không cải thiện được bộ mặt kiến trúc cảnh quan đô thị.

b) Giải pháp 2: Có tác động tích cực, tuy nhiên việc sửa đổi, bổ sung phải thực hiện ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau dẫn đến khó kiểm soát về tính đồng bộ, tính thẩm mỹ của kiến trúc cảnh quan đô thị và nông thôn.

c) Giải pháp 3:

- Đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa đa dạng của con người; phù hợp với xu hướng công nghệ tương lai;

- Tạo ra bộ mặt, cảnh quan đô thị, công trình kiến trúc đẹp, hình thành môi trường sống tốt cho cộng đồng, hài hòa và giảm thiểu tác động tới môi trường tự nhiên.

- Phát huy vai trò chuyên môn trong tư vấn, phản biện; phát huy sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý kiến trúc, gắn kết cộng đồng.

- Bảo tồn, phát huy được các giá trị văn hóa, kiến trúc truyền thống.

5.3. Tác động của thủ tục hành chính

a) Giải pháp 1: Không có tác động do giữ nguyên hệ thống văn bản pháp luật như hiện nay.

b) Giải pháp 2: Việc sửa đổi, bổ sung phải thực hiện ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau sẽ không kiểm soát được việc phát sinh thủ tục hành chính.

c) Giải pháp 3: Không phát sinh thủ tục hành chính.

5.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật:

a) Giải pháp 1: Không có tác động do giữ nguyên hệ thống văn bản pháp luật như hiện nay.

b) Giải pháp 2: Việc sửa đổi, bổ sung phải thực hiện ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau có tác động nhất định tới hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Giải pháp 3: Nâng cao tính thống nhất, đồng bộ, hiệu quả quản lý về kiến trúc của hệ thống pháp luật. Tuân thủ các điều ước quốc tế về kiến trúc mà Việt Nam đã tham gia. Sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan để đảm bảo đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

**6. Kiến nghị giải pháp lựa chọn và thẩm quyền ban hành chính sách**

6.1. Kiến nghị: lựa chọn Giải pháp 3.

6.2. Thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

B. CHÍNH SÁCH 2: HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

**1. Xác định vấn đề bất cập**

Hiện nay cả nước có hơn 20.000 kiến trúc sư. Đội ngũ kiến trúc sư tuy đông nhưng chưa phát huy hết thế mạnh do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chưa có một môi trường hành nghề, điều kiện hành nghề phù hợp và hoàn chỉnh. Tự do sáng tạo và năng lực hoạt động của kiến trúc sư chưa được phát huy.

Còn có sự can thiệp không lành mạnh vào hoạt động của kiến trúc sư. Vai trò của tổ chức xã hội nghề nghiệp của kiến trúc sư đối với hành nghề kiến trúc chưa rõ. Nhận thức của một bộ phận của người dân, chủ đầu tư, cán bộ quản lý về vai trò của kiến trúc và hoạt động của kiến trúc sư còn hạn chế. Các tổ chức hành nghề kiến trúc chưa đa dạng. Chí phí tư vấn cho thiết kế kiến trúc còn thấp. Tiêu chí hành nghề và dịch vụ kiến trúc chưa phù hợp với thỏa thuận chung của khối ASEAN về thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ kiến trúc.

**2. Nguyên nhân**

2.1. Trong một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đã có một số quy định liên quan đến hành nghề kiến trúc, tuy nhiên còn thiếu rất nhiều nội dung, thường không quy định trực tiếp và không có tính quy phạm chặt chẽ. Nổi lên một số vấn đề là:

Chưa có quy định riêng về phạm vi dịch vụ kiến trúc mà một số nội dung hoạt động kiến trúc được lồng ghép trong nội dung hoạt động xây dựng nói chung. Thiếu rất nhiều quy định để đánh giá năng lực, khả năng phát triển nghề nghiệp liên tục, bồi dưỡng các kiến thức liên quan, đạo đức, trách nhiệm của kiến trúc sư. Việc phân hạng năng lực hoạt động của kiến trúc sư như hiện nay không phù hợp với đặc thù sáng tạo và hoạt động của kiến trúc sư.

Dịch vụ kiến trúc chưa được tách bạch trong quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Các quy định về quản lý nhà nước đối với hành nghề kiến trúc chưa đầy đủ, chưa rõ.

2.2. Công tác tuyên truyền về kiến trúc, vai trò của kiến trúc trong xã hội và đời sống chưa được quan tâm đúng mức, nhiều người chưa hiểu hết tính đặc thù của kiến trúc và sứ mệnh của kiến trúc sư.

**3. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Quy định khá toàn diện về hoạt động hành nghề Kiến trúc của cá nhân, tổ chức pháp nhân hành nghề kiến trúc, tạo lập môi trường hành nghề kiến trúc thuận lợi, thông thoáng. Cung cấp các dịch vụ kiến trúc có chất lượng, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ kiến trúc sư có đức, có tài.

**4. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

Từ mục tiêu trên, về xây dựng thể chế, đề xuất các giải pháp sau:

4.1. Giải pháp 1:

Giữ nguyên chính sách như hiện nay. Các hoạt động hành nghề tự điều chỉnh theo quy luật thị trường. Giải pháp này không giải quyết được các vấn đề bất cập, không đáp ứng được mục tiêu quản lý hành nghề kiến trúc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

4.2. Giải pháp 2:

Các vấn đề bất cập được sửa đổi, bổ sung vào nội dung quản lý kiến trúc trong Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và các Nghị định, Thông tư hiện hành có liên quan.

Giải pháp này có thể xử lý một phần các vấn đề bất cập. Tuy nhiên, việc sửa đổi, bổ sung phải thực hiện ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, mất nhiều thời gian, thiếu tính hệ thống.

4.3.Giải pháp 3:

Kế thừa các quy định của các Luật liên quan đến hành nghề kiến trúc, bổ sung các nội dung mới, quy định thành một chương của Luật Kiến trúc với một số nội dung cụ thể là:

- Quy định phạm vi, điều kiện hành nghề, các dịch vụ hành nghề kiến trúc.

- Quy định rõ quyền, nghĩa vụ của kiến trúc sư.

- Quy định mới, rõ ràng hơn về tiêu chuẩn kiến trúc sư hành nghề. Quy định không phân hạng chứng chỉ hành nghề kiến trúc nhằm phát huy năng lực sáng tạo của kiến trúc sư, đặc biệt là đội ngũ kiến trúc sư trẻ.

- Đưa thêm 2 tiêu chí để kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình hành nghề kiến trúc là Phát triển nghề nghiệp liên tục và Đạo đức hành nghề, là điều kiện để gia hạn chứng chỉ hành nghề của kiến trúc sư. Xây dựng các quy tắc về kiểm soát quá trình phát triển nghề nghiệp liên tục, các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.

- Quy định chứng chỉ năng lực của tổ chức hành nghề kiến trúc: có cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc và chủ trì thiết kế kiến trúc đã có chứng chỉ hành nghề của kiến trúc sư.

- Xã hội hóa công tác đào tạo, sát hạch hành nghề kiến trúc, phát triển nghề nghiệp liên tục và Đạo đức hành nghề.

**5. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

5.1. Tác động về kinh tế:

a) Giải pháp 1: tác động không lớn, do không điều chỉnh đến tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc. Do các bất cập còn tồn tại và phải tự điều chỉnh trong một thời gian dài dẫn đến tốn chi phí chung của xã hội trong tương lai, tốn kém các chi phí chỉnh trang, sửa chữa bộ mặt kiến trúc, cảnh quan đô thị, môi trường hoạt động kiến trúc không thuận lợi. Các chính sách hỗ trợ, phát triển nghề nghiệp chưa có tác động trực tiếp đến môi trường đầu tư, kinh doanh sẽ làm chậm tốc độ phát triển của nền kinh tế.

b) Giải pháp 2: Có tác động ở mức độ thấp đến môi trường đầu tư, kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng.

c) Giải pháp 3: Tác động tích cực cho đến môi trường đầu tư, điều kiện kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Tạo lập môi trường công khai, minh bạch trong hoạt động hành nghề, các dịch vụ, sản phẩm kiến trúc có chất lượng cao sẽ mang lại lợi ích to lớn cho xã hội, phát triển du lịch, thúc đẩy phát triển kinh tế. Có phát sinh chi phí nhất định cho các công tác sát hạch việc cấp chứng chỉ hành nghề, công tác đào tạo phát triển....

5.2. Tác động về xã hội:

a) Giải pháp 1: Không có tác động

b) Giải pháp 2: Có tác động, biểu hiện chưa rõ rệt.

c) Giải pháp 3: Có tác động tích cực về nâng cao nhận thức cộng đồng xã hội về kiến trúc. Bảo tồn, phát huy được các giá trị văn hóa, kiến trúc truyền thống. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo cơ hội và nhu cầu mới về việc làm, đẩy mạnh sự tiếp cận của cộng đồng xã hội đối với các dịch vụ kiến trúc chất lượng, góp phần vào thực hiện công bằng xã hội, xây dựng môi trường sống lành mạnh, văn minh.

5.3. Tác động của thủ tục hành chính:

a) Giải pháp 1: Không có tác động do giữ nguyên hệ thống văn bản pháp luật như hiện nay.

b) Giải pháp 2: Việc sửa đổi, bổ sung phải thực hiện ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau sẽ không kiểm soát được việc phát sinh thủ tục hành chính.

c) Giải pháp 3: Không phát sinh thủ tục hành chính.

5.4. Tác động đối với hệ thống pháp luật:

a) Giải pháp 1: Không có tác động do giữ nguyên hệ thống văn bản pháp luật như hiện nay.

b) Giải pháp 2: Việc sửa đổi, bổ sung phải thực hiện ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, khó kiểm soát thực hiện, mất nhiều thời gian.

c) Giải pháp 3: Điều chỉnh khá cơ bản, toàn diện, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả về hành nghề kiến trúc. Tuân thủ các điều ước quốc tế về kiến trúc mà Việt Nam đã tham gia, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

**6. Kiến nghị giải pháp lựa chọn và thẩm quyền ban hành chính sách:**

6.1. Kiến nghị lựa chọn Giải pháp 3.

6.2. Thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

**III. LẤY Ý KIẾN**

Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách khi lập Đề nghị xây dựng Luật Kiến trúc đã được gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, các cơ quan, tổ chức liên quan và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng trong quá trình xây dựng luật. Đồng thời trong quá trình soạn thảo Luật, dự án Luật đã lấy được ý kiến đóng góp 19 Bộ, ngành, cơ quan và 40 địa phương; Tổ chức nhiều cuộc Hội nghị, hội thảo đóng góp cho dự án Luật.

Các ý kiến góp ý được Bộ Xây dựng tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo và giải trình tại Hồ sơ dự án Luật.

*(Bản tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến được gửi kèm trong hồ sơ Dự án Luật Kiến trúc)*

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Cơ quan giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách: Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Chính phủ;- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng (để b/c);- UB Pháp luật, UB KHCN&MT QH (để b/c);- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);- Các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội, Ngoại giao; - Lưu: VT, Vụ PC, Vụ QHKT. | **BỘ TRƯỞNG****(Đã ký)****Phạm Hồng Hà** |